

**Rx** Thuốc bán theo đơn

## **OMEPRAZOL 20 - HV**

Viên nang cứng Omeprazol 20 mg

### **Thành phần**

Mỗi viên nang cứng chứa:

Omeprazol (Dưới dạng vi nang tan trong ruột ) 20 mg

(\* Thành phần vi hạt Omeprazol bao tan trong ruột gồm: Omeprazol, Dinatri hydro orthophosphat, Natri lauryl sulphat, Calci carbonat, Đường, Mannitol, Starch, Hydroxy propyl methyl cellulose E5, Methacrylicacid copolymer (L-30D), Diethyl phthalat, Talc, Titan dioxyd, Natri hydroxyd, Tween 80, Polyvinyl povidone K-30, Natri methyl paraben, Natri propyl paraben).

### **Phân loại**

OMEPRAZOL 20- HV chứa omeprazol là thuốc kháng tiết acid dạ dày, thuộc nhóm thuốc chống loét dạ dày – ruột theo cơ chế ức chế bơm proton.

### **Dược lực**

Dược chất chính của OMEPRAZOL 20- HV là Omeprazol, một dẫn chất của nhóm benzimidazole.

### **Cơ chế tác dụng**

OMEPRAZOL 20- HV (Omeprazol) giảm sự tiết acid dạ dày theo cơ chế liên kết chọn lọc cao và không hồi phục vào bơm proton. Thuốc có ái lực đặc hiệu với men H<sup>+</sup>K<sup>+</sup>-ATP-ase (bơm proton) ở tế bào viền niêm mạc dạ dày. Men này kiểm soát giai đoạn cuối của quá trình tiết acid dịch vị, vì thế OMEPRAZOL 20- HV ức chế cả quá trình tiết acid cơ bản cũng như do bất kỳ kích thích nào.

OMEPRAZOL 20- HV có tác dụng nhanh sau khi uống

Vì thuốc liên kết không hồi phục vào H<sup>+</sup>K<sup>+</sup>/ATP-ase nên tác dụng của thuốc vẫn còn kéo dài ít nhất 72 giờ sau khi ngưng dùng thuốc.

### **Tác dụng khác**

Nghiên cứu invitro cho thấy Omeprazol còn có tác dụng ức chế sự phát triển của vi khuẩn *Helicobacter pylori* do ức chế men urease của vi khuẩn này.

### **Dược động học**

Thuốc được hấp thu nhanh qua đường tiêu hoá. Tác dụng thể hiện trong vòng 1 giờ sau khi uống.

Thuốc được phân bố vào các mô , đặc biệt là vào các tế bào thành dạ dày. Thuốc liên kết mạnh với protein huyết tương (95%)

Thuốc được chuyển hoá ở gan nhờ hệ thống men cytochrom P450.

Thời gian bán hủy của thuốc khoảng 30 phút đến 1 giờ ở người bình thường và khoảng 3 giờ ở người thiếu năng gan.

Thuốc được đào thải chủ yếu qua thận (70-77%) và qua phân (18-23%). Thuốc

sau khi uống.

Thuốc được phân bố vào các mô, đặc biệt là vào các tế bào thành dạ dày. Thuốc liên kết mạnh với protein huyết tương (95%)

Thuốc được chuyển hoá ở gan nhờ hệ thống men cytochrom P450.

Thời gian bán hủy của thuốc khoảng 30 phút đến 1 giờ ở người bình thường và khoảng 3 giờ ở người thiếu năng gan.

Thuốc được đào thải chủ yếu qua thận (70-77%) và qua phân (18-23%). Thuốc không bị thải trừ ra khỏi cơ thể khi chạy thận nhân tạo hoặc thẩm tách máu.

#### **Chỉ định**

OMEPRAZOL 20- HV được chỉ định:

Điều trị cũng như dùng phòng ngừa các hội chứng loét dạ dày - ruột, ợ chua, hồi trào dạ dày - thực quản (GERD), .v.v. khi cần phải giảm mức độ tiết acid dạ dày cho bệnh nhân.

Điều trị loét thực quản có liên quan đến hội chứng GERD đã được khẳng định bằng nội soi.

Dùng phối hợp với các kháng sinh trong việc điều trị loét đường tiêu hoá do vi khuẩn *Helicobacter pylori*.

Điều trị loét đường tiêu hoá do sử dụng các loại thuốc kháng viêm non-steroides (NSAID)

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến Bác sĩ.*

*Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.*

#### **Liều lượng và đường dùng**

Liều dùng và thời gian dùng thuốc cho từng trường hợp cụ thể theo chỉ định của Bác sĩ điều trị. Liều dùng thông thường như sau:

Hồi trào dạ dày thực quản: 20 mg/ 1 lần/ ngày liên tục trong thời gian từ 4 đến 8 tuần.

Loét tá tràng : 20 mg/ 1 lần/ ngày liên tục trong thời gian từ 4 đến 8 tuần.

Loét dạ dày : 40 mg/ 1 lần/ ngày liên tục trong thời gian từ 4 đến 8 tuần.

Loét dạ dày do *Helicobacter pylori*: 40 mg/ 1 lần/ ngày phối hợp với clarithromycin 500mg/ 3 lần/ ngày liên tục trong 14 ngày.

#### **Cách dùng**

Uống nguyên viên thuốc, không nhai. Uống trước bữa ăn (tốt nhất là trước bữa ăn sáng).

#### **Chống chỉ định**

Chống chỉ định với bệnh nhân nhạy cảm với Omeprazol.

Chống chỉ định trong trường hợp viêm gan tiến triển nặng.

#### **Thận trọng**

Trước khi cho người bị loét dạ dày dùng omeprazol, phải loại trừ khả năng bị u ác tính (thuốc có thể che lấp các triệu chứng, do đó làm muộn chẩn đoán).